

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 412 /BVM-KD
V/v mời chào giá thuốc cho
Nhà thuốc Bệnh viện Mắt

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp thuốc

Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng đơn giá, lựa chọn nhà cung cấp thuốc để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh tại Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: BỆNH VIỆN MẮT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

Ngô Thị Kim Loan - Số điện thoại: 0905659559

Email: khoaduocbvm2024@gmail.com

3. Hình thức tiếp nhận báo giá: Trực tiếp.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày phát hành công văn mời chào giá đến trước 09 giờ 00 phút ngày 21/10/2025 (Bản giấy nhận vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ Thứ 2 đến Thứ 6, bản mềm gửi về địa chỉ email: khoaduocbvm2024@gmail.com).

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Bản giấy đề nghị đựng trong bì/túi có niêm phong và ghi rõ trên bì/túi “*Báo giá thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng theo Thư mời chào giá số /BVM-KD ngày 09/10/2025*” để tránh nhầm lẫn, thất lạc.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày 21/10/2025.

III. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục mời chào giá: Phụ lục 1 đính kèm.

- Biểu mẫu báo giá tham khảo Phụ lục 2 đính kèm. Các đơn vị điền đầy đủ nội dung về thông tin thuốc chào giá được nêu theo Bảng tại Phụ lục 2 để làm cơ sở lựa chọn thuốc và nhà cung cấp để thực hiện mua sắm tại nhà thuốc Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng. Giá chào phải bao gồm tất cả các chi phí liên quan như thuế, chi phí vận chuyển, chi phí khác (nếu có). Báo giá phải do đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên và đóng dấu đơn vị, ghi rõ hiệu lực của báo giá.

- Tài liệu gửi kèm báo giá:

+ Hồ sơ pháp lý của công ty: Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược với phạm vi kinh doanh phù hợp, Giấy chứng nhận GDP (Thực hành phân phối thuốc) còn hiệu lực (Bản chụp công chứng).

+ Hồ sơ kỹ thuật của thuốc chào giá: Giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam được Cục Quản lý Dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>), tài liệu chứng minh đáp ứng nhóm tiêu chí kỹ thuật.

+ Quyết định trúng thầu trong vòng 12 tháng của mặt hàng báo giá (nếu có).

- Đơn vị báo giá chịu trách nhiệm về tính pháp lý của bảng chào giá và các đơn vị chào giá đảm bảo độc lập, không liên quan với nhau.

Kính đề nghị các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực cung ứng thuốc theo yêu cầu của bệnh viện tham gia cung cấp báo giá để bệnh viện xem xét, lựa chọn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT (để đăng Website);
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>;
- Lưu: VT, KD.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Phụ lục 1
DANH MỤC THUỐC MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Công văn số /BVM-KD ngày /10/2025 của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	BDG1	Bimatoprost	Biệt dược gốc	0,3mg/3ml; 3ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	314
2	BDG2	Bimatoprost + timolol	Biệt dược gốc	0.3mg/ml + 5mg/ml; 3 ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	674
3	BDG3	Brimonidin tartrat + timolol	Biệt dược gốc	(2mg/ml + 5mg/ml); 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.626
4	BDG4	Brinzolamid	Biệt dược gốc	10mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.346
5	BDG5	Bromfenac	Biệt dược gốc	1mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	7.240
6	BDG6	Cao khô Ginkgo biloba	Biệt dược gốc	120mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2.000
7	BDG7	Cyclosporin	Biệt dược gốc	0,05% (0,5mg/g)	Nhỏ mắt	Nhũ tương nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	126.816
8	BDG8	Diclofenac	Biệt dược gốc	75mg	Uống	Viên nén phóng thích chậm	Viên	1.800
9	BDG9	Fluorometholon	Biệt dược gốc	1mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	26.240
10	BDG10	Ginkgo biloba	Biệt dược gốc	40mg	Uống	Viên	Viên	7.200
11	BDG11	Levofloxacin	Biệt dược gốc	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	38.892
12	BDG12	Levofloxacin	Biệt dược gốc	75mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	26.616
13	BDG13	Loteprednol etabonat	Biệt dược gốc	0,5%; 5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	938
14	BDG14	Methyl prednisolon	Biệt dược gốc	16mg	Uống	Viên nén	Viên	20.760
15	BDG15	Methyl prednisolon	Biệt dược gốc	4mg	Uống	Viên nén	Viên	5.460

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
16	BDG16	Moxifloxacin	Biệt dược gốc	5mg/1ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	23.100
17	BDG17	Natri diquafosol	Biệt dược gốc	30mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	25.740
18	BDG18	Natri hyaluronat	Biệt dược gốc	1mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	12.644
19	BDG19	Natri hyaluronat	Biệt dược gốc	15mg/5ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	7.470
20	BDG20	Nepafenac	Biệt dược gốc	1mg/1ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	8.306
21	BDG21	Ofloxacin	Biệt dược gốc	0,3%; 3,5 g	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Tuýp	11.300
22	BDG22	Ofloxacin	Biệt dược gốc	15mg/5ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	25.026
23	BDG23	Olopatadin hydroclorid	Biệt dược gốc	0,2%; 2,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	5.090
24	BDG24	Pemirolast kali	Biệt dược gốc	0,1%; 5 ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.454
25	BDG25	Pirenixin	Biệt dược gốc	0,25mg/5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	12.468
26	BDG26	Tafluprost	Biệt dược gốc	4,5µg/0,3ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.980
27	BDG27	Tafluprost	Biệt dược gốc	0,0375mg/2,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	720
28	BDG28	Tobramycin	Biệt dược gốc	0,3%; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	4.280
29	BDG29	Tobramycin + Dexamethason	Biệt dược gốc	(3mg/1ml + 1mg/1ml); 5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	41.060
30	BDG30	Tobramycin + Dexamethasone	Biệt dược gốc	(3mg + 1mg)/gram; 3,5g	Tra mắt	Mỡ tra mắt	Tuýp	372
31	BDG31	Travoprost	Biệt dược gốc	0,04mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	472

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
32	GE1	Acetazolamid	Generic/ Nhóm 4	250 mg	Uống	Viên	Viên	25.860
33	GE2	Aciclovir	Generic/ Nhóm 2	105mg/3,5g	tra mắt	Thuốc tra mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.356
34	GE3	Aciclovir	Generic/ Nhóm 4	200mg	Uống	Viên	Viên	26.184
35	GE4	Aciclovir	Generic/ Nhóm 4	800 mg	Uống	Viên	Viên	18.312
36	GE5	Aciclovir	Generic/ Nhóm 4	400mg	Uống	Viên	Viên	37.200
37	GE6	Aciclovir	Generic/ Nhóm 2	3%/5g	tra mắt	Thuốc tra mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.200
38	GE7	Alpha chymotrypsin	Generic/ Nhóm 4	21microkatal hoặc 4,2 mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	gói	1.200
39	GE8	Alpha chymotrypsin	Generic/ Nhóm 4	42microkatal hoặc 8,4 mg	Uống	Viên	Viên	52.680
40	GE9	Atropin sulfat	Generic/ Nhóm 4	10mg/ml; 0,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	4.350
41	GE10	Bạch quả	Generic/ Nhóm 4	80mg	Uống	Viên	Viên	48.000
42	GE11	Brimonidin tartrat	Generic/ Nhóm 1	2mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	780
43	GE12	Brinzolamid + Brimonidin tartrat	Generic/ Nhóm 1	(10mg/ml + 2mg/ml); 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	734
44	GE13	Brinzolamid + timolol	Generic/ Nhóm 1	(10mg/ml + 5mg/ml); 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.450
45	GE14	Carbomer	Generic/ Nhóm 1	0,2%/10g	tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	7.138
46	GE15	Carbomer	Generic/ Nhóm 4	0,2% (kl/kl) - 0,6g	Tra mắt	Gel tra mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	120
47	GE16	Cefaclor	Generic/ Nhóm 3	375 mg	Uống	Viên	Viên	12.000
48	GE17	Cefalexin	Generic/ Nhóm 4	500mg	Uống	Viên	Viên	1.920
49	GE18	Cefdinir	Generic/ Nhóm 4	300 mg	Uống	Viên	Viên	10.400
50	GE19	Cefixime	Generic/ Nhóm 4	200 mg	Uống	Viên	Viên	2.400
51	GE20	Cefpodoxim	Generic/ Nhóm 4	200 mg	Uống	Viên	Viên	18.000
52	GE21	Cefpodoxim	Generic/ Nhóm 3	100mg/3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
53	GE22	Cefuroxim	Generic/ Nhóm 4	500 mg	Uống	Viên	Viên	18.000
54	GE23	Cefuroxim	Generic/ Nhóm 3	500 mg	Uống	Viên	Viên	2.400
55	GE24	Ciprofloxacin	Generic/ Nhóm 4	500mg	Uống	Viên	Viên	2.400
56	GE25	Cyanocobalamin (Vitamin B12)	Generic/ Nhóm 1	0,02%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	24.958
57	GE26	Cyclosporin	Generic/ Nhóm 4	0,1% (w/v)/0,3ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	2.436
58	GE27	Dexamethason + Neomycin + Polymyxin B	Generic/ Nhóm 1	(1mg + 3500IU + 6000IU)/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	12.960
59	GE28	Dexamethason + Neomycin + Polymyxin B	Generic/ Nhóm 1	(1mg + 3500IU + 6000IU)/gram	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	3.960
60	GE29	Dexamethasone Sodium Phosphate, Chloramphenicol	Generic/ Nhóm 1	(1mg/1ml+ 5mg/1ml); 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	66
61	GE30	Doxycycline	Generic/ Nhóm 4	100mg	Uống	Viên nén	Viên	1.200
62	GE31	Epinastine HCL	Generic/ Nhóm 1	0,5mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	156
63	GE32	Esomeprazol	Generic/ Nhóm 4	20mg	Uống	Viên	Viên	6.600
64	GE33	Fexofenadin	Generic/ Nhóm 4	180mg	Uống	Viên	Viên	4.380
65	GE34	Fluorometholon	Generic/ Nhóm 4	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	84
66	GE35	Hydroxypropylmethylcellulose	Generic/ Nhóm 4	45mg/15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	206
67	GE36	Indomethacin	Generic/ Nhóm 1	0,1%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	960
68	GE37	Itraconazol	Generic/ Nhóm 1	100mg	Uống	Viên	Viên	7.464
69	GE38	Kali clorid	Generic/ Nhóm 1	600mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	viên	12.940
70	GE39	Ketorolac	Generic/ Nhóm 1	0,5%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	180
71	GE40	L-Citrulline, Pyridoxine HCL,	Generic/ Nhóm 4	10mg; 25mg;	Uống	Viên	Viên	120.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
		Vitamin E, N-acetyl-L-aspartic acid, Retinyl acetate (vitamin A), cao Vaccinium myrtillus		25mg; 25mg; 2500IU; 100mg				
72	GE41	Levofloxacin	Generic/ Nhóm 4	500 mg	Uống	Viên	Viên	1.200
73	GE42	Loteprednol etabonat	Generic/ Nhóm 4	0,5%; 5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	240
74	GE43	Moxifloxacin	Generic/ Nhóm 2	0,5%/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	2.400
75	GE44	Moxifloxacin + Dexamethason	Generic/ Nhóm 5	(0,5% +0,1%); 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	13.404
76	GE45	Natamycin	Generic/ Nhóm 1	5%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.116
77	GE46	Natamycin	Generic/ Nhóm 4	5%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.080
78	GE47	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	Generic/ Nhóm 1	0,5%; 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	8.510
79	GE48	Natri carboxymethylcellulose + glycerin	Generic/ Nhóm 1	5mg/ml + 9mg/ml; 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	4.464
80	GE49	Natri carboxymethylcellulose + glycerin	Generic/ Nhóm 1	5mg/ml + 9mg/ml; 0.4 ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	10.560
81	GE50	Natri clorid	Generic/ Nhóm 4	0,9%; 1 ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.200
82	GE51	Natri clorid	Generic/ Nhóm 4	0,9%; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	12.120
83	GE52	Natri hyaluronat	Generic/ Nhóm 1	1mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	5.460
84	GE53	Natri hyaluronat	Generic/ Nhóm 4	21.6mg/12ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	372
85	GE54	Natri hyaluronat	Generic/ Nhóm 2	0,1%; 0,88ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	37.344
86	GE55	Natri hyaluronat	Generic/ Nhóm 4	1,8mg/ml; 0,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Tép	2.400

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
87	GE56	Natri hyaluronat	Generic/ Nhóm 4	1mg/1ml; 0,4ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Tép	8.448
88	GE57	Natri hyaluronat	Generic/ Nhóm 2	1,5mg/ml; 0,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Tép	24.000
89	GE58	Ofloxacin	Generic/ Nhóm 4	200mg	Uống	Viên	Viên	480
90	GE59	Olopatadin (dưới dạng Olopatadin hydroclorid)	Generic/ Nhóm 4	0,2% (w/v) - Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	312
91	GE60	Paracetamol	Generic/ Nhóm 4	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	gói	500
92	GE61	Pilocarpin	Generic/ Nhóm 4	1,7% (w/v)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	240
93	GE62	Polyethylen glycol + propylen glycol	Generic/ Nhóm 1	0,4% + 0,3%; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	6.160
94	GE63	Polyethylen glycol + propylen glycol	Generic/ Nhóm 1	0,4% + 0,3%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	10.000
95	GE64	Povidon iodin	Generic/ Nhóm 4	5%-20ml	Thuốc dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Bình/Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	100
96	GE65	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Generic/ Nhóm 1	1% w/v (10mg/ml); 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	6.914
97	GE66	Rutin+ vitamin C	Generic/ Nhóm 4	500mg+100mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	12.120
98	GE67	Selen (trong nắm men), crom (trong nắm men) và acid ascorbic.	Generic/ Nhóm 5	25mg; 25mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	12.000
99	GE68	Tafluprost + timolol	Generic/ Nhóm 1	(0,015mg/ml + 5mg/ml); 0,3ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.620
100	GE69	Thực địa, mẫu đơn bì, phục linh, câu kỳ tử, đương quy, bạch tật lê, sơn thù, hoài sơn, trạch tả, cúc hoa, bạch thược, thạch quyết minh	Generic/ Nhóm 5	1,84g; 0,688g; 0,688g; 0,688g; 0,688g; 0,92g; 0,92g; 0,688g; 0,688g; 0,688g; 0,92g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	96.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Gói/ Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
101	GE70	Timolol	Generic/ Nhóm 5	0,5%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	1.141
102	GE71	Tobramycin; Dexamethason	Generic/ Nhóm 4	(0.3% + 0.1%) lọ 7ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	252
103	GE72	Travoprost + Timolol	Generic/ Nhóm 1	0,04mg/ml + 5mg/ml; 2,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Bình/ Chai/ Lọ/ Ống/ Gói/ Túi	266
104	GE73	Vitamin A	Generic/ Nhóm 4	5000 IU	Uống	Viên	Viên	10.480
105	GE74	Vitamin E, Vaccinium myrtillus	Generic/ Nhóm 4	50mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	72.000

Phụ lục 2
BIỂU MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số /BVM-KD ngày / /2025 của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng)

Tên công ty:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng

Theo Công văn số /BVM-KD ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng về việc mời chào giá thuốc cho nhà thuốc Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng, [Công ty ...] trân trọng gửi Quý bệnh viện báo giá một số thuốc do công ty phân phối, cụ thể như sau:

STT	Mã thuốc theo PL1	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ Tên thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ) (tháng)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Thông tin tham khảo		
																	Giá trúng thầu	QĐ phê duyệt KQLC NT	Số TBMT trên hệ thống Mạng đấu thầu quốc gia
1																			
2																			
3																			
4																			
...																			

Đơn giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

Báo giá có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TRƯỚC PHÁP LUẬT

*(Đại diện công ty ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu công ty)*

